TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 611/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2018
"V/v Tranh chấp về ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Như Thủy

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kim Em

2. Ông Nguyễn Hòa Bình

- ***Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Đào Lê Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7 tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2018/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 về việc: "Tranh chấp về ly hôn",

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2018/QĐST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 137/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/8/2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ U, sinh năm 1975 (có mặt)

Bị đơn: Ông Dương Văn T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu dân cư H, phường T, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Lê Thị Lệ U trình bày:

Bà và ông Dương Văn T sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 1999, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 080, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Tự An, thành phố Buôn Mê Thuộc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/9/1999).

Bà và ông T chung sống hạnh phúc được khoảng 13 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà là do bất đồng quan niệm sống, vợ chồng không có nhiều thời gian giành cho nhau, ông T không quan tâm chăm sóc gia đình.

Bà và ông T đã nhiều lần trao đổi, cố gắng tìm giải pháp khắc phục các bất đồng trên, nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt

Năm 2017 bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông T tại Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh sau đó bà đã rút đơn khởi kiện, bà mong muốn vợ chồng hàn gắn tình cảm, để cùng chăm lo cho con cái, nhưng cũng không có kết quả.

Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, bà đã không còn chung sống cùng nhà với ông T từ tháng 05/2018 đến nay, bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn T.

- Về con chung: Bà xác nhận có 02 con chung tên: Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003 và Dương Quốc B (nam), sinh ngày 30/01/2005.

Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung 30.000.000 đồng/1 tháng/2 trẻ.

- Về tài sản chung: Bà tự thỏa thuận với ông T, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà U khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Thị Lệ U xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Dương Văn T,

Riêng về con chung, bà có thay đổi việc nuôi con chung như sau: Do 02 con chung Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003 và Dương Quốc B (nam), sinh ngày 30/01/2005 hiện nay đang sống cùng với ông T, và để tránh xáo trộn cuộc sống, tâm lý của các con, bà đồng ý để ông Dương Văn T được tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là trẻ Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003 và Dương Bảo Q (nam), sinh ngày 30/01/2005, bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn ông Dương Văn T vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý quy định tại các Điều từ Điều 26 đến Điều 39, việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ Điều 93 đến Điều 97, trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý vụ án cho Viện kiểm sát và cho

đương sự đúng qui định tại Điều 195, Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vụ án được giải quyết đúng thời hạn quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ U đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn: Ông Dương Văn T không thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vì vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Lệ U, ông Dương Văn T kết hôn năm 1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà Lê Thị Lệ U là do vợ chồng không có nhiều thời gian giành cho nhau, ông Dương Văn T không quan tâm chăm sóc gia đình. Bà và ông T đã nhiều lần trao đổi, cố gắng tìm giải pháp khắc phục cho gia đình cùng chăm lo con cái, nhưng không có kết quả mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Năm 2017 bà đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn T tại Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh sau đó bà đã rút đơn khởi kiện với mong muốn hàn gắn vợ chồng để cùng lo cho con cái, nhưng cũng không có kết quả.

Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Dương Văn T.

Bị đơn ông Dương Văn T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và tiếp tục vắng mặt tại phiên toà hôm nay. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Lệ U.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003 và Dương Quốc B (nam), sinh ngày 30/01/2005.

Do hiện nay 02 con chung đang sống với ông Dương Văn T, để tránh xáo trộn cuộc sống, tâm lý của các trẻ, nay bà Lê Thị Lệ U đồng ý để ông Dương Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, bà không cấp dưỡng nuôi con. Việc tự nguyện để ông T được trực tiếp nuôi dưỡng 2 con chung là của bà Uyên là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp chận.

- Về tài sản chung: bà Uyên tự thỏa thuận với ông Dương Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà U khai không có.

- Về án phí: Bà Lê Thị Lệ U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Lệ U yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn T, đây là tranh chấp về ly hôn, là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do bị đơn ông Dương Văn T hiện đang cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn, ông Dương Văn T mặc dù đã được Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Toà án nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và tiếp tục vắng mặt tại phiên toà hôm nay. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn, ông Dương Văn T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Xét, Bà Lê Thị Lệ U và ông Dương Văn T có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 080, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/9/1999), do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ U: Vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, mâu thuẫn xảy ra là do ông T không giành nhiều

thời gian cho gia đình, không quan tâm chăm sóc gia đình, không chia sẻ với bà trong cuộc sống vợ chồng. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông T, bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Năm 2017, bà U đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn T tại Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; sau đó bà đã rút đơn khởi kiện với mong muốn hàn gắn để vợ chồng cùng lo cho con cái, nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 5/2018 bà không còn chung sống một nhà với ông T nữa

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh số: 190/2018/PYCXM ngày 24 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Công an phường T, Quận 7 xác định: "Ông Dương Văn T, sinh năm 1973 và bà Lê Thị Lệ U, sinh năm 1975 có hộ khẩu thường trú tại phường T, Quận B từ ngày 17 tháng 10 năm 2016 đến nay, ông T và bà U chấp hành tốt pháp luật, chưa phát hiện vi phạm gì".

Căn cứ vào Phiếu yêu cầu xác minh số: 196/2018/PYCXM ngày 26 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân Quận 7, Hội liên hiệp phụ nữ phường T, Quận B xác định: "... Hiện nay cuộc sống hôn nhân giữa bà Lê Thị Lệ U và ông Dương Văn T không có gây gỗ ảnh hưởng và làm mất an ninh trật tự, Hội liên hiệp phụ nữ không nắm rõ tình trạng hôn nhân của ông T và bà U vì họ thường xuyên vắng nhà và không tiếp xúc được."

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn ông Dương Văn T đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông Dương Văn T vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên phải chịu hậu quả theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử lấy lời khai của bà Uyên về mâu thuẫn vợ chồng làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

Xét, mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mặt khác bà U và ông T đã không còn chung sống một nhà với nhau từ tháng 5/2018 đến nay, do đó yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị Lệ U là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2]. Về con chung:

Các đương sự có 02 con chung tên Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003 và Dương Quốc B (nam), sinh ngày 30/01/2005. Bà Lê Thị Lệ U đồng ý để ông Dương Văn T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung, bà Uyên không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, Do hiện nay trẻ Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003 và Dương Quốc B (nam), sinh ngày 30/01/2005 đang sống chung cùng nhà với ông Dương Văn T, hàng ngày ông T đưa đón cả hai trẻ đi học tại Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Để không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt cũng như tránh làm ảnh

hưởng đến tâm lý của các con, nên bà Lê Thị Lệ U tự nguyện giao 2 (hai) con chung cho ông Dương Văn T được trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng, đây là ý chí tự nguyện của bà U, việc tự nguyện này phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc tự nguyện này của bà U.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà U tự thỏa thuận với ông Dương Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà U khai không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị Lệ U phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điểm b, khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi bổ sung năm 2014;

Xử:

[1]. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Dương Văn T

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Lệ U về việc yêu cầu ly hôn với ông Dương Văn T.

Xử, cho bà Lê Thị Lệ U được ly hôn với ông Dương Văn T (Giấy chứng nhận kết hôn số 080, Quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 03/9/1999 không còn giá trị pháp lý).

[2.2]. Về con chung: Có 02 con chung họ tên:

1/ Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003

2/ Dương Quốc B (nam), sinh ngày 30/01/2005

Ghi nhận việc tự nguyện của bà Lê Thị Lệ U đồng ý để ông Dương Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là: Dương Thụy K (nữ), sinh ngày 11/5/2003 và Dương Quốc B (nam), sinh ngày 30/01/2005, bà Lê Thị Lệ U không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê Thị Lệ U được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Khi cần thiết, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.3]. Về tài sản chung : Bà Lê Thị Lệ U tự thỏa thuận với ông Dương Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà Lê Thị Lệ U khai không có.

[2.5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị Lệ U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/00025254 ngày 23/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 7, bà Uyên đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[2.6]. Nguyên đơn, bà Lê Thị Lệ U có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[2.7]. Bị đơn, ông Dương Văn T có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án ND TP.HCM;
- VKS ND Quận 7;
- THA Dân sự Quận 7;
- UBND phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Trương Như Thủy